

Bản án số: 88/2025/HS-ST
Ngày 20-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Phạm Minh Thuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Dương T, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2007 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang); chỗ ở: Ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Phạm Bá L và bà Dương Thị Bé N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2024, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B (nay là Phân Trại tạm giam khu vực B thuộc Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H) cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986; địa chỉ: Xã M, huyện S, tỉnh Kon Tum (nay là xã M, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1983; địa chỉ: 1 Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, Thành phố Hải Phòng). Vắng mặt.

4. Ông Trịnh Văn N2, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tạ Văn H, sinh năm 2002 - Đại diện Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ H7; địa chỉ: Số A đường T, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Tú U, sinh năm 2002; địa chỉ: 6 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. Ông Phạm Bá L, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang). Có mặt.

4. Bà Dương Thị Bé N, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang). Có mặt.

5. Ông Giàng Chấn H1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện M, tỉnh Lào Cai (nay là xã P, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Vắng mặt.

Người làm chứng: Trần Thành D, sinh năm 2006. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2013, Phạm Dương T cùng Phạm Bá L và Dương Thị Bé N là cha mẹ ruột của T đến thành phố B, tỉnh Bình Dương ở trọ và đi học đến lớp 8 thì nghỉ học. Khoảng cuối tháng 7/2024, T nảy sinh ý định đem cầm cố điện thoại di động, sau đó giả vờ hỏi mượn rồi nhanh chóng chiếm đoạt điện thoại chạy thoát để lấy tiền tiêu xài và chơi trò chơi điện tử. Khoảng thời gian từ cuối tháng 7/2024 đến đầu tháng 10/2024, T đã thực hiện 04 lần cướp giật tài sản tại khu vực các phường C, M, T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 25/7/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61C2-185.98 đi đến tiệm C, cạnh đường N thuộc khu phố G, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Quốc A làm chủ, gặp Nguyễn Văn B là nhân viên của tiệm. Tây yêu cầu Ba cầm cố 01 điện thoại di động Iphone 14 pro giá 7.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 1047617930 ngân hàng V1 của Dương Thị Bé N đứng tên đăng ký. Lúc này, B đồng ý nhận cầm cố và chuyển 7.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 ra về. Khoảng 30 phút sau, T điều khiển xe mô tô nêu trên trở lại tiệm cầm đồ Hưng T1. Tại đây, T yêu cầu Ba cầm cố điện thoại thêm 5.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số

1047617930 ngân hàng V1 của Dương Thị B1 Ngoan đứng tên đăng ký thì anh B đồng ý chuyển 5.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Sau đó, T giả vờ hỏi mượn lại điện thoại để kiểm tra giao dịch chuyển khoản rồi nhanh chóng cầm điện thoại chạy ra ngoài tiệm điều khiển xe chạy thoát.

- Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 22/9/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 đi đến tiệm C1, cạnh đường N thuộc khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương do Đỗ Thị T2 làm chủ. Tại đây, T xưng tên là Phan Thanh H3 gặp chị Hoàng Thị L1 là nhân viên của tiệm. Tây yêu cầu L1 cầm cố 01 điện thoại di động Iphone 14 pro với giá 8.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 1049609629 Ngân hàng TMCP N4 (Ngân hàng V1) mang tên Trần Đức T3. L1 đồng ý nhận cầm cố rồi sử dụng tài khoản số 20612367 Ngân hàng TMCP Á1 (Ngân hàng A1) của Hoàng Thị L1 đứng tên đăng ký chuyển khoản 5.000.000 đồng và đưa 3.000.000 đồng tiền mặt cho T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 ra về. Đến khoảng 08 giờ 20 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 trở lại tiệm C1. Tại đây, T yêu cầu L1 cầm cố điện thoại thêm 500.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 1049545703 mang tên Giàng Chấn H1 tại Ngân hàng V1 thì L1 đồng ý chuyển 500.000 đồng theo yêu cầu của T. Sau đó, T giả vờ hỏi mượn lại điện thoại để chuyển khoản rồi nhanh chóng cầm điện thoại chạy ra ngoài tiệm điều khiển xe chạy thoát.

- Lần thứ ba: Khoảng 16 giờ ngày 29/9/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 đi đến tiệm C2, cạnh đường D thuộc khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Thị T4 làm chủ, gặp Phạm Thị N1 là nhân viên của tiệm. Tây yêu cầu N1 cầm cố 01 điện thoại di động Iphone 14 pro với giá 10.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 383286281 Ngân hàng Q (Ngân hàng V2) mang tên Nguyễn Văn H2. Lúc này, N1 đồng ý nhận cầm cố rồi sử dụng tài khoản số 0341006912722 Ngân hàng V1 của Phạm Thị N1 đứng tên đăng ký chuyển khoản 10.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 ra về. Đến khoảng 09 giờ 45 phút ngày 30/9/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 trở lại tiệm cầm đồ C2. Tại đây, T giả vờ hỏi chuộc lại điện thoại. Sau đó, chị N1 đưa điện thoại di động Iphone 14 pro cho kiểm tra rồi T nhanh chóng cầm điện thoại chạy ra ngoài tiệm điều khiển xe chạy thoát.

- Lần thứ tư: Khoảng 08 giờ 35 phút ngày 01/10/2024, T gọi điện thoại qua mạng xã hội Facebook rủ Trần Thành D là bạn của T đi công việc. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 đi đến quán cà phê (không rõ tên, địa chỉ) thuộc phường T, thành phố B ở ngã 4 phía sau đi đến tiệm C3, cạnh đường D thuộc khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương của Trịnh Thị Á làm chủ, gặp Trịnh Văn N2 là nhân viên của tiệm. Tây yêu cầu Nhật cầm cố 01 điện thoại di động Iphone 14 pro với giá 10.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 12386683979 Ngân hàng TMCP T8 (Ngân hàng T9) mang tên Trần Thành D. Lúc này, N2 đồng ý nhận cầm cố rồi sử dụng tài khoản số 14001011710934 Ngân hàng TMCP H8 (Ngân hàng M) của Trịnh Văn N2 đứng tên đăng ký chuyển khoản 10.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Sau đó, T điều

khởi xe mô tô biển số 61C2-185.98 chở D ra về. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 chở D trở lại tiệm C3 chuộc lại điện thoại rồi chở D về nhà. Đến khoảng 06 giờ 53 phút ngày 02/10/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 61C2-185.98 trở lại tiệm C3. Tại đây, T yêu cầu N2 cầm cố 01 điện thoại di động Iphone 14 pro với giá 10.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 343104259 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn L2. Lúc này, N2 đồng ý nhận cầm cố rồi sử dụng tài khoản số 14001011710934 Ngân hàng MSB của Trịnh Văn N2 đứng tên đăng ký chuyển khoản 10.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Sau đó, T giả vờ hỏi mượn lại điện thoại để gọi cho bạn. Nhật đưa điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro cho T mượn, sau đó T nhanh chóng cầm điện thoại chạy ra ngoài tiệm điều khiển xe chạy thoát.

Vật chứng thu giữ: *(Bút lục số 33, 151).*

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro màu xám đen;
- 01 quần jean màu xanh đen;
- 01 áo thun màu đen;
- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61C2-185.98, số máy: CGA1ID240446, số khung: MH8DL11AZNJ240421;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 61000134 của xe mô tô biển số: 61C2-185.98 mang tên Lê Thị Tú U.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Phạm Dương T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tây khai: Tây yêu cầu các chủ tiệm cầm đồ chuyển tiền vào các số tài khoản để T nạp tiền chơi trò chơi điện tử. Phạm Bá L, Dương Thị Bé N và Trần Thành D không biết T thực hiện hành vi phạm tội. *(Bút lục số 23-25).*

Kết luận định giá tài sản số 144 ngày 14/11/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, đã qua sử dụng, trị giá 16.000.000 đồng. *(Bút lục số 233 – 238).*

Xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số: 61C2-185.98, số máy: CGA1ID240446, số khung: MH8DL11AZNJ240421 do Lê Thị Tú U đứng tên đăng ký dùm Phạm Dương T. Ngày 30/10/2024, Phạm Bá L cầm cố xe mô tô biển số 61C2-185.98 cho Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ H7 22.000.000 đồng (xe đã thu hồi). *(Bút lục 36, 139 – 152, 187).*

Cáo trạng số 04/CT-VKS-18 ngày 07 tháng 7 năm 2025 Viện kiểm sát nhân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Dương T về tội “Cướp giật tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần truy tố của Cáo trạng đối với giá trị tài sản bị chiếm đoạt, cụ thể truy tố bị cáo với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 64.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 6 Điều 91; khoản 1

Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Dương T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Ngày 07/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 Thành phố Hồ Chí Minh giao trả: 01 quần jean màu xanh đen và 01 áo thun màu đen cho Phạm Dương T. Căn cứ quy định tại các Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 18 Thành phố Hồ Chí Minh tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro màu xám đen;

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61C2-185.98, số máy: CGA1ID240446, số khung: MH8DL11AZNJ240421 kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 61000134 của xe mô tô biển số: 61C2-185.98 mang tên Lê Thị Tú U.

* Về trách nhiệm dân sự: Tạ Văn H là người đại diện theo ủy quyền của H4 kinh doanh dịch vụ cầm đồ Hoàng P yêu cầu Phạm Bá L phải bồi thường 22.000.000 đồng; Phạm Bá L là cha ruột của Phạm Dương T đã trả lại 12.000.000 đồng cho Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền của H4 kinh doanh cầm đồ Hưng T1; trả 8.500.000 đồng cho Hoàng Thị L1; trả 10.000.000 đồng cho Phạm Thị N1 và trả 10.000.000 đồng cho Trịnh Văn N2. Ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị L1, bà Phạm Thị N1 và ông Trịnh Văn N2 không yêu cầu giải quyết gì thêm. Ông Phạm Bá L không yêu cầu Phạm Dương T phải trả tiền lại. (*Bút lục 74, 99, 120, 138, 140, 329, 330, 350 – 353*).

Tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông L và bà N không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Từ khoảng cuối tháng 7/2024 đến

đầu tháng 10/2024, tại các tiệm cầm đồ thuộc khu vực các phường C, M, T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, Phạm Dương T đã 04 lần thực hiện hành vi cầm cố 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, trị giá 16.000.000 đồng (tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 64.000.000 đồng). Sau đó, T giả vờ hỏi mượn điện thoại rồi nhanh chóng chiếm đoạt điện thoại chạy thoát để lấy tiền chơi trò chơi điện tử và tiêu xài hết số tiền có được. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Phạm Dương T theo tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng đã xâm phạm tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến tính chất, mức độ tội phạm bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình trả lại tiền cho các bị hại; bị cáo khi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro màu xám đen; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61C2-185.98, số máy: CGA1ID240446, số khung: MH8DL11AZNJ240421 kèm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 61000134 của xe mô tô biển số: 61C2-185.98 mang tên Lê Thị Tú U (xe thuộc sở hữu của bị cáo T5, bà U là người đứng tên giùm) là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nặng nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị.

[9] Đối với việc Tạ Văn H là người đại diện theo ủy quyền của H4 kinh doanh dịch vụ cầm đồ Hoàng P yêu cầu Phạm Bá L phải bồi thường 22.000.000 đồng tiền ông L đã cầm xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61C2-185.98, xét đây là giao dịch dân sự, trường hợp ông L không trả thì H4 kinh doanh dịch vụ cầm đồ hoặc người đại diện hợp pháp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Dương T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Dương T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2024.

2. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 Pro màu xám đen (không kiểm tra Model, không kiểm tra được số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được); 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61C2-185.98, số máy: CGA1ID240446, số khung: MH8DL11AZNJ240421 (xe không gương bên phải, không khoá, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được); kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 61000134 của xe mô tô biển số: 61C2-185.98 mang tên Lê Thị Tú U.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Dương T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ – Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam khu vực Bến Cát - Trại tạm giam số 2 – Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quân Vương

